TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đình Đồng;

2. Ông Chu Quang Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Q, sinh năm 1998; trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, Thành phố Hải Phòng (Có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994; trú tại: Thôn L, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn B; trú tại: Thôn L, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

- Bà Tạ Thị L; trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, Thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Đoàn Thị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Th, huyện K tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/3/2017. Sau khi kết hôn, chị và anh N sống cùng gia đình anh N tại xã Th, huyện K; cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn ngay từ những ngày đầu, nguyên nhân là do tính nết hai người không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, anh N hay ghen tuông vô cơ, thường xuyên có những lời nói xúc phạm chị và gia đình chị. Tháng 01 năm 2019 chị về sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại xã B, huyện B, Thành phố Hải Phòng, cũng từ đó anh chị không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn – anh Nguyễn Văn N trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị Q trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Q cư xử không đúng mực với anh và gia đình anh, không quan tâm, chăm lo đến gia đình. Đầu năm 2019 anh chị mâu thuẫn, chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị Q nên không nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung, tài sản chung: Cả chị Q và anh N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa: Chị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn chị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Q đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đoàn Thị Q ly hôn anh Nguyễn Văn N; chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn N song anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị Q và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Th, huyện K nơi sinh sống của anh N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Q và anh N là hợp pháp.

[3] Chị Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn; anh N trình bày vẫn còn tình cảm với chị Q nên không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai người đưa ra có sự khác nhau, song thực tế do mâu thuẫn anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi từ tháng 01 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại lời khai của ông Nguyễn Văn B là bố đẻ của anh N và lời khai của bà Tạ Thị L là mẹ đẻ của chị Q đều xác định anh chị chỉ chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, xô xát cãi nhau, hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được; bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người ly hôn; chính quyền địa phương xã Th cũng xác định giữa chị Q và anh N có nhiều mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Q theo quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh N song anh chỉ đến duy nhất một buổi tham gia phiên hòa giải và anh không đưa ra bất kỳ biên pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Như vậy, hai người đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung với nhau; nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh N không nhất trí ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị Q và việc giải quyết vụ án mà thôi. Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị Q, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Q ly hôn anh N.

[4]. *Về án phí*: Chị Đoàn Thị Q khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đoàn Thị Q ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. *Về án phí*: Chị Đoàn Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005029 ngày 07 tháng 3 năm 2019.

3. *Về quyền kháng cáo*: Chị Đoàn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/4/2019; anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Th, H.K;
- UBND xã B, H.B, HP;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân